

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ- ST  
Ngày: 29-01-2021  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thủy
2. Ông Bùi Văn Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 14-01-2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn P2, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nơi ở hiện nay: Thôn P1, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**2. Bị đơn:** Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P2, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi vợ chồng tổ chức cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng

chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào năm 2001, vợ chồng không khắc phục được, đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1992 và Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1995, hiện cả hai con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 04-12-2020 và ngày 11-12-2020, ông Đỗ Đức B, sinh năm 1936, địa chỉ: Thôn P2, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ anh Đ) trình bày:

Ông cho biết hiện nay anh Đỗ Văn Đ đang làm ăn tự do, gia đình ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở đâu nên ông không cung cấp cho Tòa án được. Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, ngày 06-12-2020, anh Đ có về qua nhà. Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà gửi cho anh Đ, ông đã giao các văn bản trên cho anh Đ, quan điểm của anh Đ như sau: Anh và chị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh và chị S không hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống hay xảy ra cãi nhau nhưng vì con còn nhỏ nên anh và chị S chung sống cùng nhau đến năm 2001 thì ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm với chị S không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị S là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh và chị S có 02 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1992 và Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1995, hiện cả hai con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh và chị S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận, anh không về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để giải quyết vụ án ly hôn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị S đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Đ vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án đối với anh Đ theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng; về nuôi con chung: Chị S và anh Đ 02 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1992 và Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1995, hiện cả hai con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh Đ, anh Đ biết việc TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh Đ nhưng do anh Đ bận công việc, không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo biên bản xác minh của Tòa án tại UBND xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thể hiện: Theo sổ sách lưu trữ về việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Phương từ năm 1990 đến năm 1993, thì không có trường hợp nào là Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị S thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Vì vậy cần xác định chị S và anh Đ có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2001 đến nay. Nay chị S khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng. Xét thấy chị S và anh Đ sống ly thân đã lâu (từ năm 2001 đến nay), mâu thuẫn giữa chị S và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị S, xử tuyên bố không công nhận chị S và anh Đ là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị S và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1992 và Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1995, hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Mặc dù chị S trình bày chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; qua biên bản xác minh ông B cung cấp anh Đ trình bày không có tài sản chung nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của chị S và anh Đ tại phiên tòa hôm nay. Chị S và anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản (nếu có) bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Chị S và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1992 và Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1995, hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung:* Chưa giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006246 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã Thái Phương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**



